TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN D** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 29-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Ông Trần Quang Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 570/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Tổ 08, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt. Đại diện hợp pháp của bà H: Ông Đào Văn L (theo Giấy ủy quyền ngày 23-10-2023); ông L có mặt

- *Bị đơn:* Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T; nơi cư trú: Tổ 08, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại các bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn ông Đào Văn L và bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T có nhu cầu cần tiền, do là họ hàng nên vợ chồng ông

bà đã cho ông B và bà T vay tiền nhiều lần. Đến ngày 30-06-2018 giữa ông bà và vợ chồng ông Đào Văn B đã chốt lại tổng số tiền vợ chồng ông Đào Văn B vay ông bà là 2.223.800.000 đồng. Đến tháng 1/2020, vợ chồng ông B lại tiếp tục vay ông bà 25.000.000 đồng để đi chúc tết. Tổng số tiền vợ chồng ông Đào Văn B vay ông bà đến tháng 1/2020 là 2.248.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi tám triệu đồng). Ngoài số tiền ở trên vào cuối năm 2019 vợ chồng ông Đào Văn B còn vay của ông bà 5 chỉ vàng 9999. Tất cả những lần vay trên, vợ chồng ông B và bà T đều ký giấy vay tiền, trong giấy vay không thoả thuận về lãi.

Trong quá trình vay và trả nợ, vợ chồng ông B cũng đã trả ông bà 1.000.000.000 đồng vào năm 2021. Từ tháng 01 đến tháng 12-2022, vợ chồng ông Đào Văn B đã tiếp tục trả ông bà 305.000.000 đồng. Số tiền vợ chồng ông B còn nợ là 943.000.000 đồng (Chín trăm bốn mươi ba triệu đồng) và 5 chỉ vàng 9999. Ông bà đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông B và bà T không trả. Đến ngày 13-7-2023, vợ chồng ông bà và ông B đã lập văn bản chốt nợ, theo đó, vợ chồng ông B còn nợ ông bà số tiền 968.000.000đồng đã bao gồm cả 05 chỉ vàng. Nay ông bà khởi kiện, buộc vợ chồng ông B và bà T phải trả cho ông bà số tiền 968.000.000đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T trình bày: Ông bà là vợ chồng, ông bà thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhiều lần. Trong quá trình trả nợ thì ông bà đã trả gốc và lãi nhiều lần cho nguyên đơn nhưng sau đó do kinh tế khó khăn nên không tiếp tục trả nợ cho nguyên đơn. Sau đó, hai bên đã chốt lại công nợ vào tháng 7-2023, vợ chồng ông bà còn nợ ông L và bà H số tiền 968.000.000đồng. Do hiện nay, vợ chồng ông bà gặp khó khăn trong vấn đề làm ăn nên chưa trả được, ông bà sẽ làm ăn và trả dần cho ông L và bà H, trường hợp có tiền thì ông bà sẽ trả hết tiền nợ trên cho ông L và bà H.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn là ông B và bà T vắng mặt do đó tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T phải trả cho nguyên đơn số tiền 968.000.000đồng. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn là vợ chồng ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Đào Văn B, bà Bùi Thị T là tranh chấp kiện đòi tài sản theo hợp đồng vay tài sản được xác định là quan hệ "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[2] Bị đơn là ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T cư trú tại phường H, quận D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ các điều 227, điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:*

[4] Vợ chồng ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H và vợ chồng ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T cùng xác nhận giữa hai bên có việc vay tiền nhiều lần và có ký giấy vay tiền. Sau nhiều lần trả và vay theo giấy vay tiền, đến ngày 13-7-2023, các bên đã có văn bản chốt nợ. Theo văn bản chốt nợ, đến ngày 13-7-2023, vợ chồng ông B, bà Tuyền còn nợ vợ chồng ông L, bà H số tiền 968.000.000 đồng. Việc các bên có ký giấy vay nợ, sau đó có ký văn bản xác nhận công nợ trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Khoản vay trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông B và bà T, ông B và bà T đều ký vào giấy vay tiền nên phải chịu trách nhiệm liên đới theo quy định tại Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó yêu cầu của ông bà L, H buộc vợ chồng ông B và T trả số tiền nợ 968.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền nợ trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí*:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 357, 463, 466 Bộ luật Dân

sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H: Buộc ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H số tiền 968.000.000 (chín trăm sáu mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại ông Đào Văn L, bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.520.000 (hai mươi triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng theo B lai số 002932 ngày 23 tháng 10 năm 2023 của chi cục thi hành án dân sự quận D.

- Ông Đào Văn B và bà Bùi Thị T phải chịu 41.040.000 (bốn mươi mốt triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông L,bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông B, bà T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận D;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng